



SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI

HỘI THẢO

Đánh giá tác động

của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA)

– Những vấn đề cần quan tâm

Đồng Nai, ngày 28 tháng 5 năm 2015

FTA Việt Nam – EU: thách thức và cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam và EU

Claudio Dordi

EU-MUTRAP

Trưởng nhóm Hỗ trợ Kỹ thuật

Tổng quan

- Giới thiệu hai đối tác (các chỉ số kinh tế và thương mại)
- Chính sách ngoại thương của Việt Nam
- Quan hệ thương mại EU-Việt Nam hiện nay: tiềm năng phát triển lớn
- Giới thiệu Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA) (nội dung và tác động dự kiến)
- Những thách thức còn lại trong đàm phán (thể hiện những mối quan tâm “cụ thể” ở tầm quốc gia)
- Tác động dự kiến
- Những thách thức chính (quy tắc xuất xứ và các tiêu chuẩn)
- Cải thiện thể chế (Các bên liên quan của Việt Nam được hưởng lợi chính từ FTA)
- Kết luận và khuyến nghị (tóm tắt các cơ hội kinh doanh)

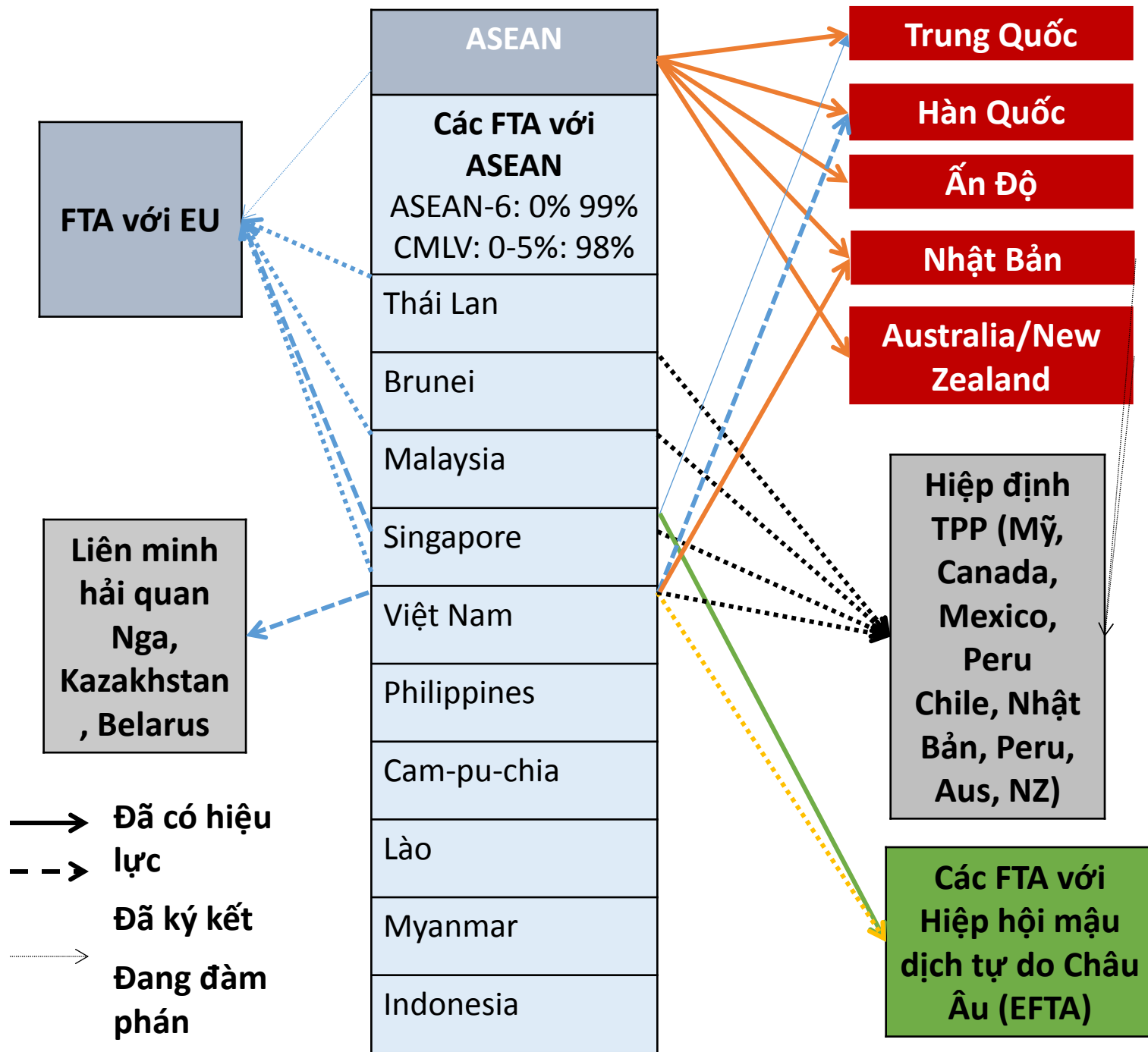
Ấn tượng ban đầu về EU

- EU là nền kinh tế lớn nhất thế giới. Mặc dù tăng trưởng được dự báo chậm, song EU vẫn là nền kinh tế lớn nhất với GDP/người ở mức 25.000 Euro và 500 triệu người tiêu dùng.
- EU là khối thương mại lớn nhất toàn cầu với khối lượng trao đổi hàng hóa và dịch vụ nhiều nhất thế giới.
- EU đứng đầu về đầu tư quốc tế cả hai chiều (45,5% đầu tư ra bên ngoài và 34% đầu tư vào EU)
- EU là đối tác thương mại hàng đầu của 80 quốc gia trong khi Mỹ là đối tác thương mại hàng đầu chỉ của hơn 20 quốc gia.
- EU có độ mở cao nhất với các nước đang phát triển. Ngoài nhiên liệu, EU nhập khẩu từ các nước đang phát triển nhiều hơn so với từ Mỹ, Canada, Nhật Bản và Trung Quốc cộng lại.

Thương mại của Việt Nam: Hiện trạng (2014)

- Kim ngạch XK: 150 tỷ USD
 - DN trong nước 48,4 tỷ
 - DN FDI 101,6 tỷ
- Thị trường xuất khẩu chính:
 - Mỹ 28,5 tỷ
 - EU 27,9 tỷ
 - ASEAN 19,0 tỷ
- Sản phẩm XK chính:
 - Điện thoại: 24,1 tỷ
 - Dệt may: 20,8 tỷ
 - Máy tính, linh kiện 11,7 tỷ
 - Giày dép 10,2 tỷ
 - Thủy hải sản 7,9 tỷ
- Xuất khẩu dịch vụ 11 tỷ
 - Dịch vụ lữ hành 7,3 tỷ
- Kim ngạch NK: 148 tỷ USD
 - DN trong nước 63,5 tỷ
 - DN FDI 84,5 tỷ
- Chủ yếu NK từ:
 - Trung Quốc 43,7 tỷ
 - ASEAN 23,1 tỷ
 - EU 8,9 tỷ
- Sản phẩm NK chính
 - Máy móc 22,5 tỷ
 - Đồ điện tử 18,8 tỷ
 - Bông/Sợi/Vải 12,5 tỷ
 - Điện thoại (máy tính) 8,6 tỷ
 - Nhựa 6,3 tỷ
- Nhập khẩu dịch vụ 15 tỷ
 - Vận tải/bảo hiểm 8,1 tỷ

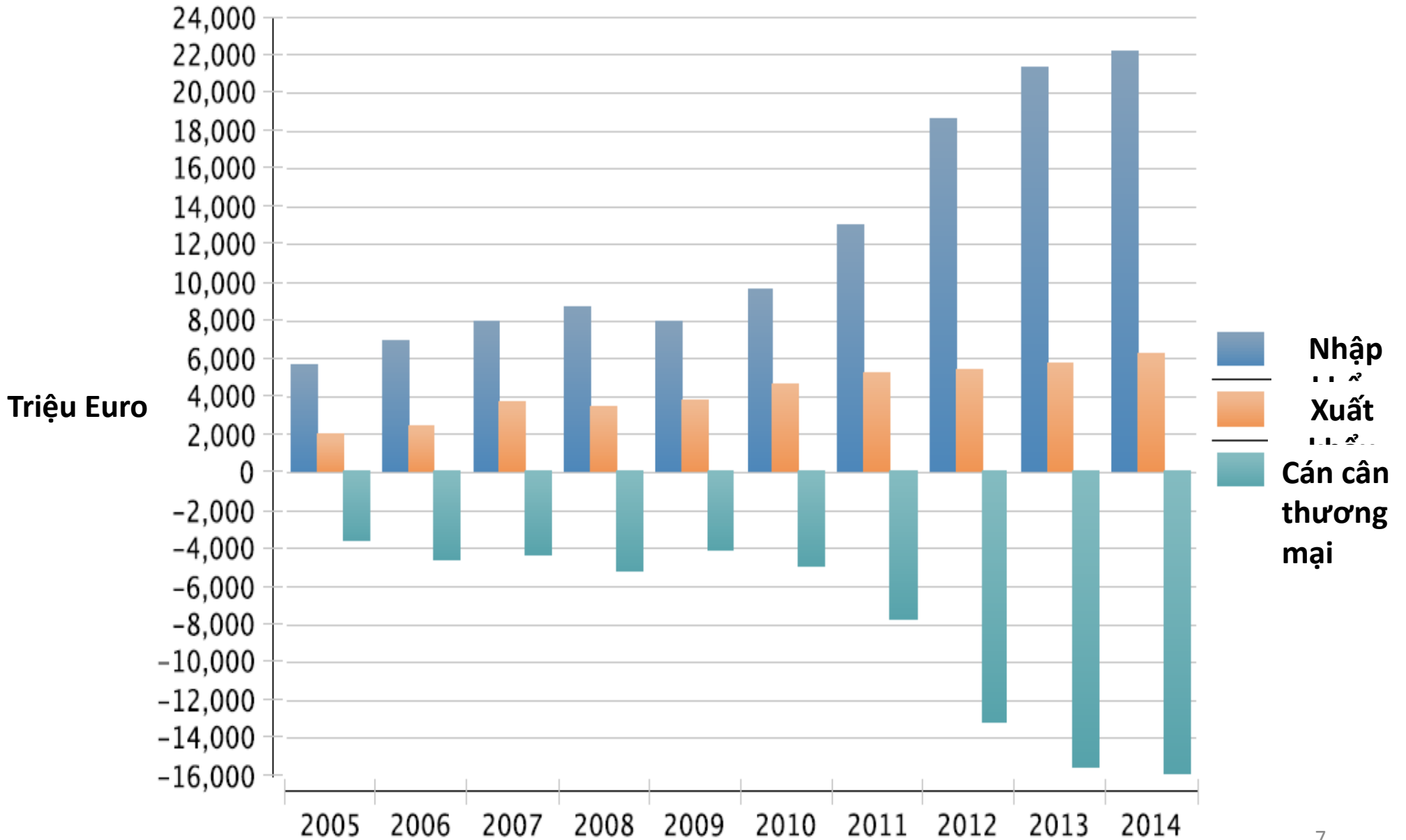
Các hiệp định quốc tế của Việt Nam: tiến trình phát triển



Tổng hàng hóa: Dòng thương mại và cán cân XNK của EU, dữ liệu

Source Eurostat Comext
Statistical regime 4

▪ năm 2005-2014

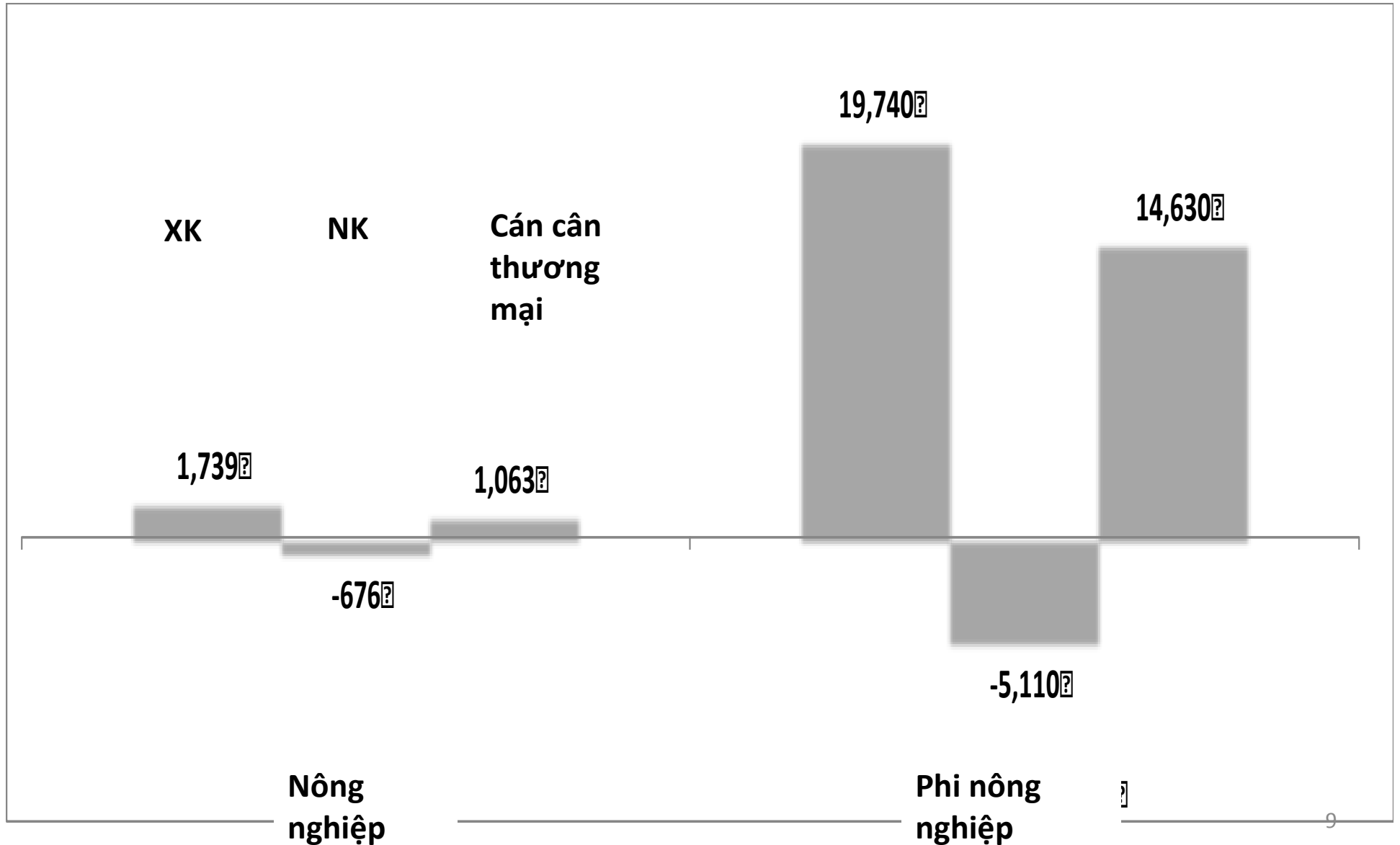


Quan hệ thương mại Việt Nam – EU

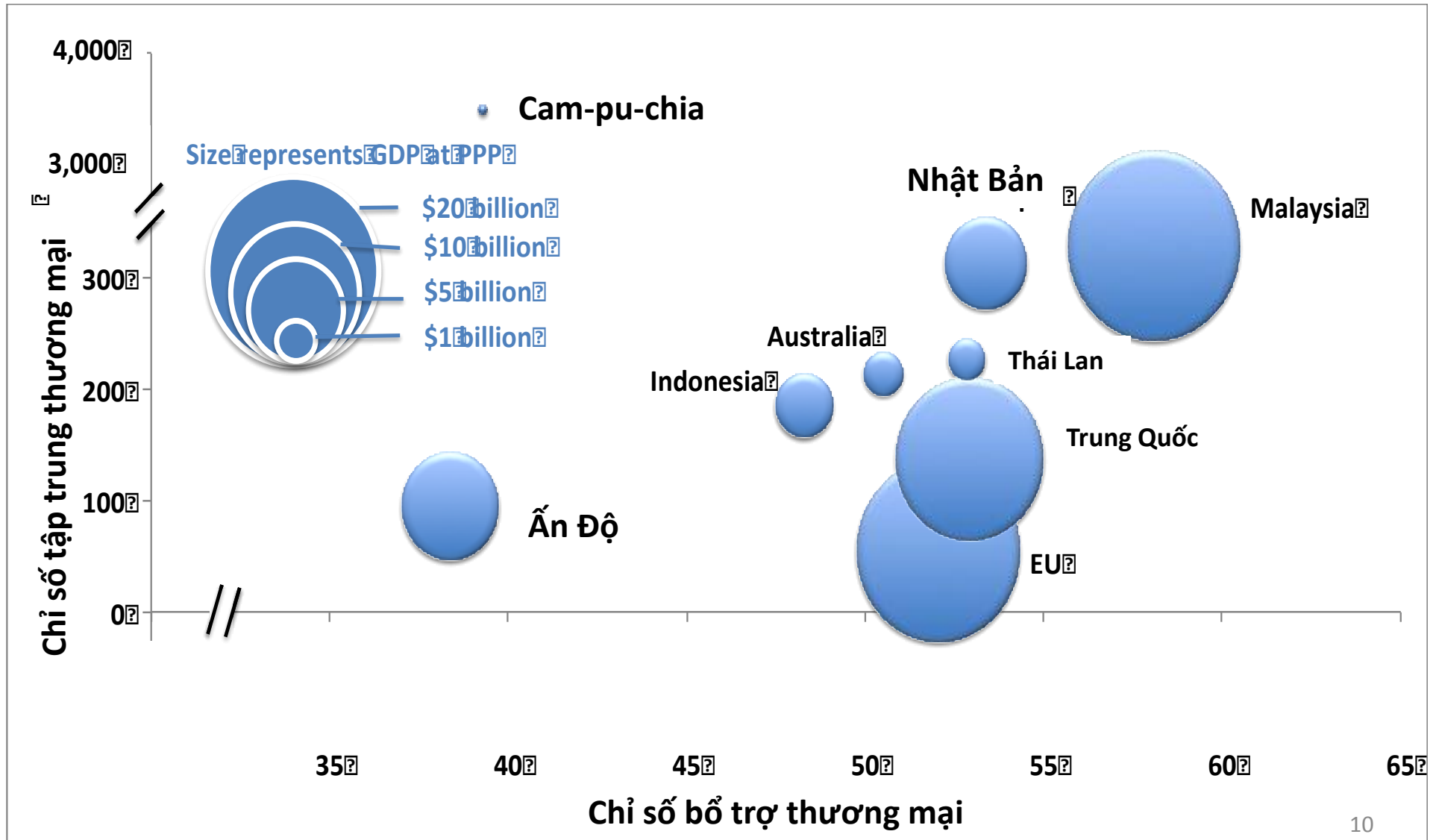
<u>XK sang EU</u> – tỷ Euro		Thuế quan bình quân %
ĐỒ ĐIỆN TỬ	7,6	0,1
GIÀY DÉP	3,2	11,9
MÁY MÓC	2,6	0
DỆT MAY	2,4	9,6
CÀ PHÊ	1,3	0,1
NỘI, NGOẠI THẤT	0,8	0,1
THỦY HẢI SẢN	0,7	5,69
ĐỒ NHỰA	0,5	1,54

<u>NK từ EU</u>		Thuế quan bình quân %
MÁY MÓC	1,2	2,31
DƯỢC PHẨM	0,5	2,46
MÁY BAY	0,5	1,98
ĐỒ ĐIỆN TỬ	0,4	6,87
VẬT DỤNG QUANG HỌC	0,3	0
Ô TÔ	0,2	71,85
DA	0,2	7,30
....		
	0,0	
RƯỢU	73	50-55

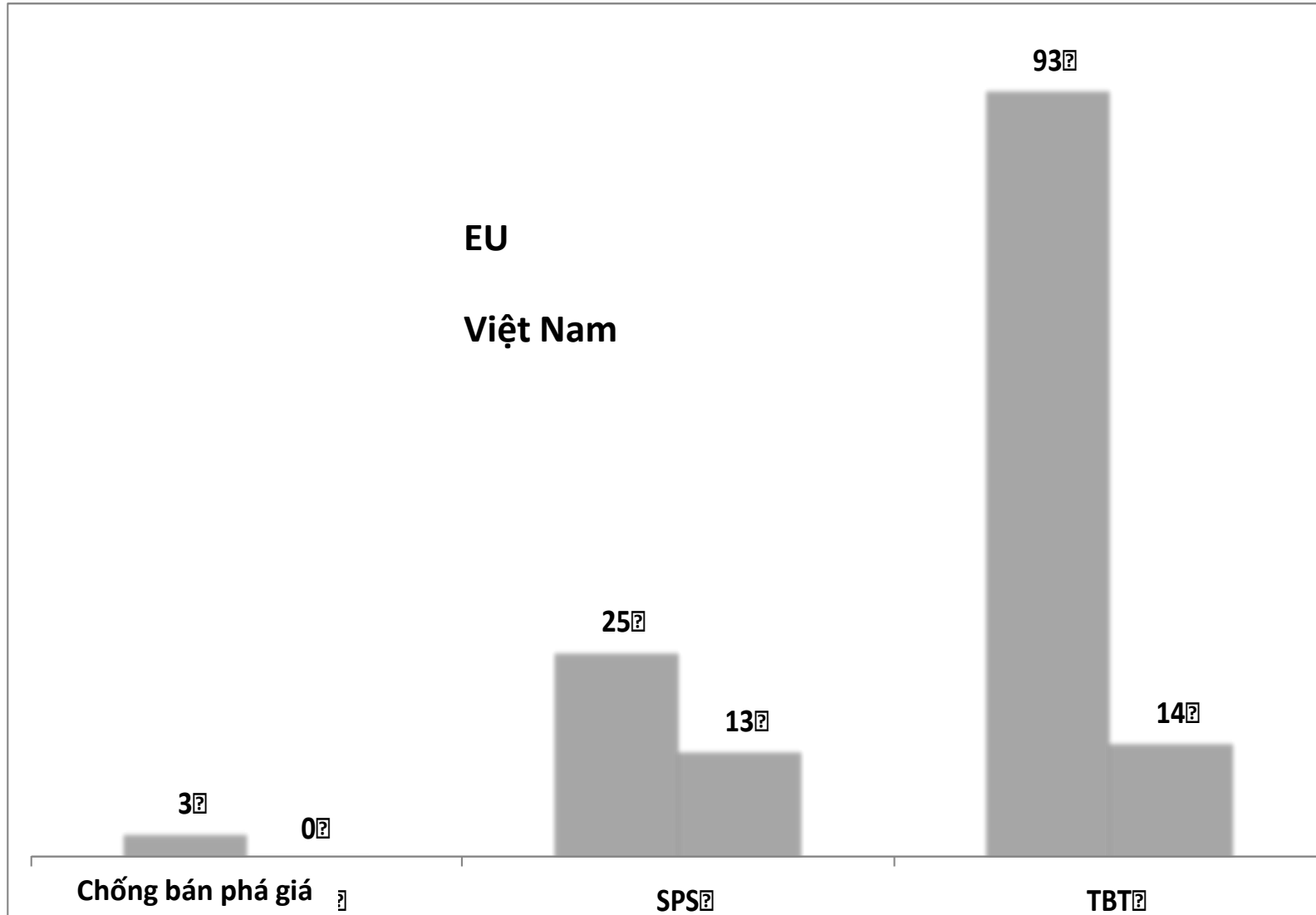
Thương mại hàng hóa Việt Nam - EU & Tăng trưởng thương mại giữa hai bên



Tính chất hỗ trợ và tập trung thương mại giữa Việt Nam với EU và một số nền kinh tế khác



Các rào cản thương mại phi thuế quan giữa hai bên



Hạn chế dịch vụ giữa Việt Nam và EU: ví dụ

	EU27				Vietnam			
	Overall	Mode1	Mode3	Mode4	Overall	Mode1	Mode3	Mode4
Tài chính			
Viễn thông	
Bán lẻ	
Dịch vụ chuyên môn								

Open Mostly open with minor restrictions Major restrictions
 Virtually closed with limited opportunities to enter and operate Fully closed

Thương mại Việt Nam – EU: những vấn đề cơ bản cần cân nhắc

- Việt Nam hiện là một đối tượng được áp dụng GSP của EU: ý nghĩa?
- Xuất khẩu của VN chủ yếu tập trung ở các doanh nghiệp FDI (chiếm hơn 2/3 kim ngạch XK)
- EU là đối tác thương mại lớn thứ hai sau Trung Quốc
- Việt Nam là một nước “gia công” (xem các ngành sản xuất điện tử, điện thoại, dệt may và giày dép). nghĩa là phải nhập khẩu nhiều nguyên liệu thô và linh kiện cho các sản phẩm xuất khẩu
- Thương mại dịch vụ còn rất hạn chế (thương mại dịch vụ chiếm 20% thương mại toàn cầu, song ở VN, thương mại dịch vụ chiếm chưa đến 10%)

Nội dung của FTA và các chủ đề chính

- Trong thương mại hàng hóa, thuế quan và các giới hạn định lượng sẽ bị loại bỏ. Phương án đàm phán: EU sẽ giảm thuế quan trong 7 năm, VN giảm dần trong 10 năm (song...)
- Quy tắc xuất xứ (ROO) được đơn giản hóa (dệt may?) – quy tắc chuyển đổi kép
- Cần có những kỷ luật định chế mạnh mẽ và sự hợp tác luật định chặt chẽ, đặc biệt đối với các rào cản phi thuế quan
- Nghĩa vụ minh bạch hóa, các thỏa thuận công nhận chung, hài hòa hóa luật định, đối thoại luật định và hỗ trợ kỹ thuật
- Tự do hóa dịch vụ? (Mức độ tự do hóa ở Việt Nam đã khá cao theo thỏa thuận khi gia nhập WTO)
- Dự kiến xây dựng một hiệp định đầu tư EU mẫu thông qua phối hợp với các nước thành viên EU. EU sẽ yêu cầu cơ chế luật định mạnh mẽ để xúc tiến đầu tư và bảo vệ nhà đầu tư (Cơ chế Giải quyết tranh chấp Nhà nước - Nhà đầu tư – ISDS)
- Kỷ luật cạnh tranh, mua sắm công, quyền sở hữu trí tuệ (IPR) và thuận lợi hóa thương mại/hải quan.
- Kỷ luật lao động và các tiêu chuẩn môi trường.

Nội dung điển hình của một FTA với EU

	EU-Canada	EU - Singapore	EU - CARIFORUM
Thương mại hàng hóa	CÓ	CÓ	CÓ
Phòng vệ thương mại	CÓ	CÓ	KHÔNG CÓ
Các rào cản kỹ thuật trong thương mại	CÓ	CÓ	CÓ
Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật	CÓ	CÓ	CÓ
Thuận lợi hóa hải quan và thương mại	CÓ	CÓ	CÓ
Thương mại dịch vụ	CÓ	CÓ	CÓ
Quy tắc xuất xứ	CÓ	CÓ	CÓ
Đầu tư	CÓ	CÓ	CÓ
Thanh toán và dịch chuyển vốn	CÓ	CÓ	CÓ
Mua sắm công	CÓ	CÓ	CÓ
Sở hữu trí tuệ	CÓ	CÓ	CÓ
Cạnh tranh	CÓ	CÓ	CÓ
Minh bạch	CÓ	CÓ	CÓ
Phát triển bền vững	CÓ	CÓ	CÓ
Giải quyết tranh chấp	CÓ	CÓ	CÓ

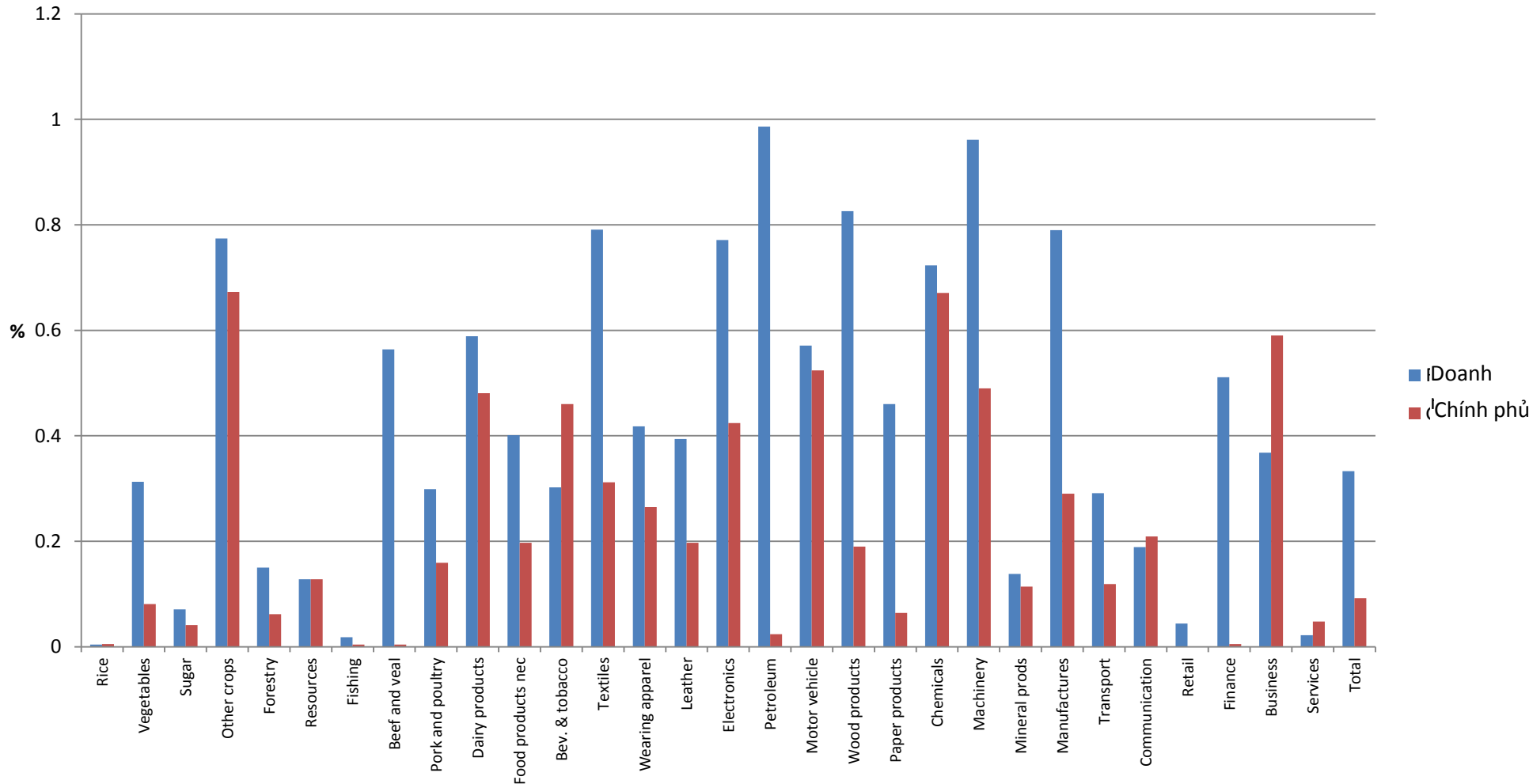
Thách thức: thể hiện qua những khó khăn hiện nay trong đàm phán thương mại

- Thời hạn và phạm vi tự do hóa
- VN còn ngần ngại tự do hóa thương mại dịch vụ
- Các doanh nghiệp nhà nước. EU đang yêu cầu các DNNN của Việt Nam phải tuân thủ cùng các nguyên tắc áp dụng cho các đối tượng ngoài khu vực nhà nước
- Chỉ dẫn địa lý (GI)
- Quy tắc xuất xứ cho sản phẩm dệt may (và các sản phẩm khác nói chung)
- Mua sắm công. Việt Nam hiện chỉ hạn chế tự do hóa với các tỉnh thành chính
- Hạn chế xuất khẩu?
- EU hiện áp dụng cơ chế hạn ngạch đối với mặt hàng gạo
- Cơ chế Giải quyết tranh chấp Nhà nước - Nhà đầu tư (ISDS)

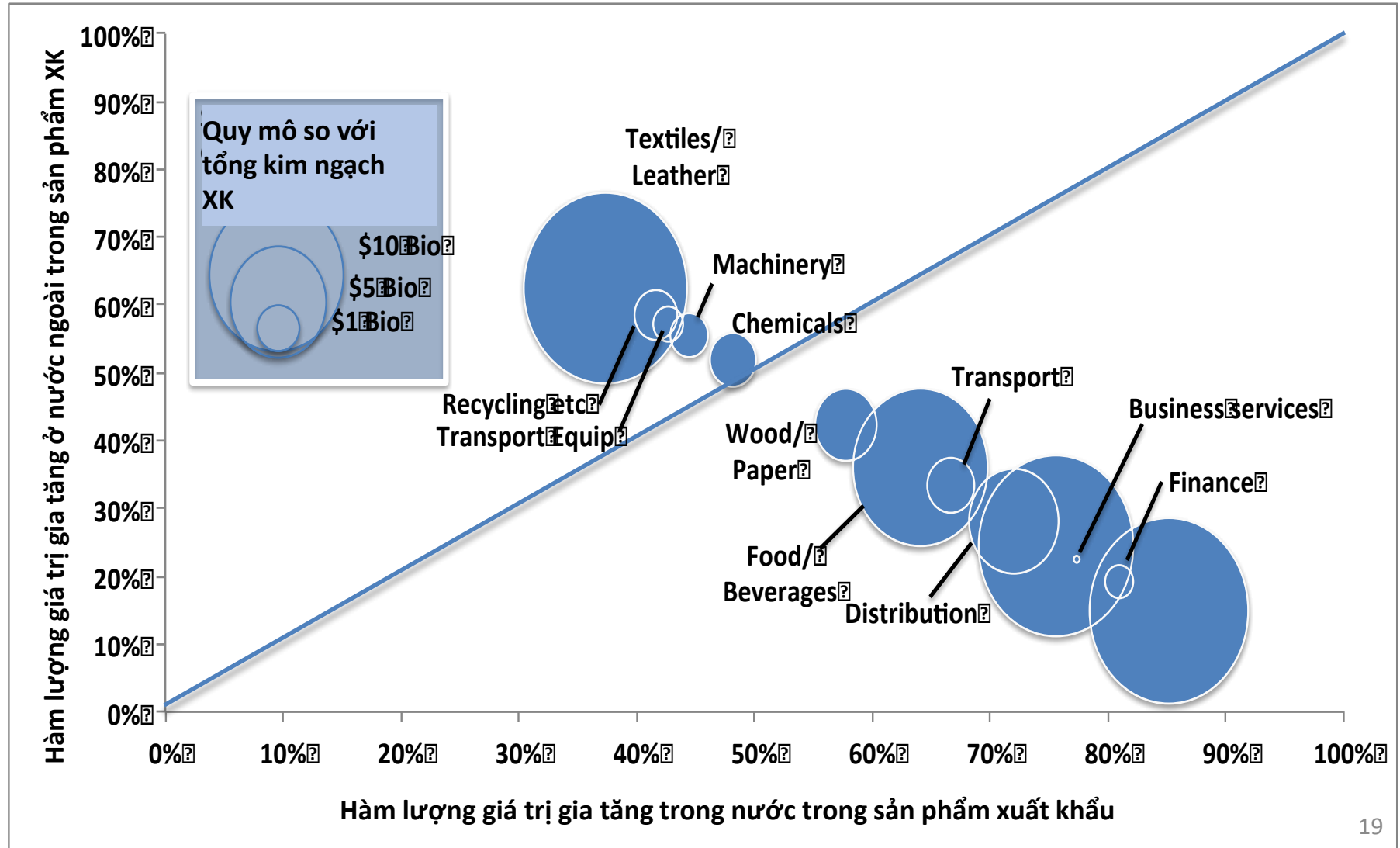
Tác động của FTA: kết quả mô hình

- GDP: +7-8% (2025)
- Xuất khẩu: + 50% (2020) + 93% (2025) – sản phẩm dệt+16%, quần áo +40%, da +31%
- Nhập khẩu: +43% (2020) + 51%
- Đầu ra: dệt +17%, quần áo +46%, da +33%
- Để hưởng lợi tối đa
 - Quy tắc xuất xứ và hàm lượng nội địa hóa
 - Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và vệ sinh
 - Cải thiện năng lực thể chế
 - Hỗ trợ các thương hiệu quốc gia, khả năng xuất khẩu và phân phối

Hàm lượng nhập khẩu cao và các vấn đề liên quan đến Quy tắc xuất xứ



Giá trị gia tăng tại Việt Nam thấp: những khó khăn trong tuân thủ QTXX của FTA



FTA sẽ KHÔNG xử lý các vấn đề về sản phẩm nguy hiểm không phải là thực phẩm

- Hệ thống cảnh báo nhanh cho sản phẩm nguy hiểm không phải là thực phẩm (RAPEX)
- 19 sản phẩm XK từ VN trong hệ thống RAPEX từ năm 2011

Thương hiệu	Mô tả	Nước xuất xứ	Loại rủi ro	Mô tả rủi ro
Bistro	Ghế gỗ gấp với một cơ chế vận hành khóa tự động bị rối loạn. Sản phẩm này bao gồm hai phần và chúng được đóng gói trong hộp các tông. Sản phẩm không có hướng dẫn sử dụng.	Việt Nam	Gây chấn thương đánh bẫy người dùng	Sản phẩm này tiềm ẩn nguy cơ gây chấn thương do cơ chế khóa tự động có nhược điểm và một điểm cắt được hình thành bên dưới chỗ ngồi, kết quả là các ngón tay của người sử dụng có thể bị kẹt và bị nghiền nát. Sản phẩm không tuân thủ tiêu chuẩn châu Âu EN 581-1 liên quan.
FootJoy	Găng tay đen với khóa dán làm bằng vải và da. Bao bì: vỏ nhựa.	Việt Nam	Hóa chất	Sản phẩm này tiềm ẩn rủi ro hóa chất vì nó có chứa 50 mg/kg Chromium (VI). Chromium (VI) được phân loại là chất nhạy cảm và có thể gây ra dị ứng.

FTA sẽ KHÔNG xử lý các vấn đề về sản phẩm thực phẩm nguy hiểm

- RASFF – Hệ thống Cảnh báo nhanh đối với thực phẩm và thức ăn gia súc
- 431 cảnh báo từ năm 2011!

	Phân loại	Ngày báo cáo	Quốc gia	Loại	Nhóm sản phẩm	Nội dung
1	Thông tin cần lưu ý	21-05-15	Thụy Sĩ	Lương thực	Rau quả	Hàm lượng nitrate quá cao (4700 mg/kg - ppm) và chất carbendazim không được phép sử dụng (1.12 mg/kg - ppm), chlorfenapyr (0.20 mg/kg - ppm) và chlorfluazuron (0.06 mg/kg - ppm) trong cải xoăn Việt Nam
2	Từ chối tại cửa khẩu	12-05-15	Phần Lan	Lương thực	Rau quả	Salmonella Stanley (2 trong số 3 mẫu /25g) trong nấm hương khô Việt Nam
3	Từ chối tại cửa khẩu	11-05-15	Anh	Lương thực	Rau quả	Cá khế Caranx khô bỏ đầu đến từ Việt Nam bị mốc
4	Thông tin cần lưu ý	07-05-15	Đức	Lương thực	Ngũ cốc & sản phẩm bánh mì	Hàm lượng aluminium cao (408 mg/kg - ppm) trong miến Việt Nam

FTA đem lại những lợi ích (và thách thức) về cải thiện định chế cho Việt Nam

- EVFTA (và TPP) không chỉ là một hiệp định thuế quan!
- Trong mỗi chủ đề dưới đây, các định chế đều đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo lợi ích của FTA
 - XK của VN phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên phụ liệu – thuận lợi hóa thương mại và hải quan
 - Cơ quan quản lý cạnh tranh
 - Mịch bạch hóa (trong luật định và của các cơ quan thực thi và quản lý)
 - Năng lực của các cơ quan giám sát kỹ thuật và vệ sinh
 - Mua sắm công – đạo đức nghề nghiệp
 - Sở hữu trí tuệ và các cơ quan thực thi quyền SHTT
 - Phát triển bền vững
 - Lao động
 - Môi trường
 - Bảo vệ đầu tư, hệ thống tư pháp và quản lý

Cơ hội kinh doanh

Giảm/loại bỏ các rào cản thuế quan và phi thuế quan

- EU: loại bỏ thuế quan nhập khẩu cho hầu hết các hoạt động thương mại
 - VN có thể trở thành một trung tâm sản xuất để xuất khẩu đi toàn thế giới
- VN: loại bỏ thuế quan đáng kể. Các sản phẩm nhạy cảm kèm thời hạn. Cơ hội lớn trong trung hạn cho các sản phẩm nhạy cảm
 - Nhập khẩu linh kiện chi phí thấp hơn cho gia công tại VN
- EU: thị trường dịch vụ đã được mở sẵn (đặc biệt trong ngành phân phối)
- VN: mở cửa thị trường dịch vụ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ EU. Ngành liên quan: phân phối, vận tải và logistic, viễn thông, tài chính.
 - Bên cạnh cơ hội trong ngành dịch vụ, các nhà sản xuất tại VN có thể hưởng lợi từ các dịch vụ chất lượng cao, hàm lượng kỹ thuật cao với mức giá hợp lý (yếu tố quan trọng trong sản xuất hàng hóa)

Cơ hội kinh doanh

Cải thiện môi trường pháp lý và kinh doanh

- Bảo vệ nhà đầu tư trong nước và nước ngoài khỏi sự can thiệp của Nhà nước
- “Sân chơi” công bằng cho DNNN và DN tư nhân
- Thuận lợi hóa các thủ tục hải quan
- Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong cấp phép, v.v...
- Thuận lợi hóa việc công nhận các yêu cầu chất lượng, kỹ thuật và vệ sinh
- Mở cửa thị trường mua sắm công cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ EU
- Minh bạch hóa các cơ quan nhà nước (tư pháp và quản lý)
- Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam và nước ngoài

Khuyến nghị cho doanh nghiệp

- Tập trung vào quy tắc xuất xứ
- Giảm thuế là chưa đủ: Việt Nam cần “nắm bắt” phần giá trị gia tăng lớn hơn?
 - Các kênh phân phối tại EU
 - Tạo lập một thương hiệu quốc gia
 - Hướng đến các sản phẩm thân thiện với môi trường và xã hội (người tiêu dùng EU)
- Tập trung vào tuân thủ các quy tắc vệ sinh và kỹ thuật quốc tế (đặc biệt của EU) – luôn theo dõi Hiệp định Đầu tư và Thương mại xuyên Đại Tây Dương TTIP
- Lường trước những điều chỉnh xuất phát từ FTA với EU (lao động, môi trường, quyền SHTT, v.v...)
- Nhập khẩu là một yếu tố quan trọng
- EU không phải là mục tiêu duy nhất: Việt Nam là một trong những nước hội nhập nhất trên thế giới
- Thị trường nội địa sẽ được hưởng lợi từ cải cách thể chế!
- AEC có thể là một cơ hội quan trọng (FTA EU-ASEAN trong tương lai?)

Liên hệ:

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)